

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Anh Dũng;

- Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thùy T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Bùi Anh N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Võ Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Bùi Anh N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau khoảng 04 tháng thì tổ chức đám cưới năm 2017. Đến ngày 01-3-2018 thì hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới, vợ chồng cùng sống bên gia đình chị để đi làm khu công nghiệp T cho gần hơn. Thời gian đầu, chị và anh N sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, nhưng đến khi chị sinh con thì không còn hạnh phúc

nữa. Nguyên nhân là do anh N mở tiệm mua bán nước sơn, chị không đồng ý nhưng sau đó cũng để anh N mở, thời gian đầu chị thấy anh N cũng chịu làm ăn nhưng sau đó thay đổi tính cách. Anh N thường xuyên nhậu nhẹt rồi không lo quan tâm đến công việc nên bị lỗ và nghỉ bán. Anh N mượn mẹ ruột chị một khoản tiền gần 200.000.000 đồng nhưng giấu chị, đến khi mượn xong thì chị mới biết, đến nay vẫn chưa trả cho mẹ chị. Khi con được 01 tuổi thì anh N bỏ đi, vào khoảng năm 2023 anh N có về thăm con được một lần, từ đó đến nay không về nữa. Nay chị không còn tình cảm với anh N và nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Bùi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22-5-2019, từ khi sinh ra đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Mỗi tháng chị phải chi tiền học 2.000.000 đồng, tiền mua đồ, tiền sữa khoảng 2.000.000 đồng, do chị đi làm không có người trông cháu nên chị phải nhờ mẹ ruột chăm sóc, đưa đón đi học hàng ngày nên mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, tổng các chi phí khoảng 7.000.000 đồng. Do đó, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Bùi Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Bùi Anh N và chị Võ Thị Thùy T tranh chấp về ly hôn; anh N cư trú tại ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[2] Nguyên đơn, chị Võ Thị Thùy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Bùi Anh N không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh N, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Bùi Anh N và chị Võ Thị Thùy T là hợp pháp vì có đăng ký

và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 01-3-2018. Theo chị T, chị và anh N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn do anh N không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt. Anh N còn giấu chị T mượn một khoản tiền của mẹ chị T nhưng đến nay chưa trả. Từ khoảng tháng 5-2020, anh N bỏ đi không còn quan tâm đến chị T và con, có về thăm con được một lần vào khoảng năm 2023 rồi từ đó đến nay không quan tâm gì đến chị T và con nữa. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị T nêu, nhưng anh N không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh N cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh N không còn quan tâm đến hôn nhân với chị T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh N và chị T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của chị T, chị và anh N có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22-5-2019. Chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh N không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của chị T. Xét việc nuôi dưỡng cháu Đ hiện nay do chị T là người trực tiếp thực hiện, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp, mức yêu cầu cấp dưỡng mà chị T nêu là phù hợp với chi phí thực tế để nuôi con và mức lương tối thiểu vùng nơi anh N sinh sống nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh N đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị Thùy T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn, anh N phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều

1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thùy T.

- Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Thùy T được ly hôn với anh Bùi Anh N.

- Về con chung:

+ Giao cháu Bùi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 22-5-2019 cho chị Võ Thị Thùy T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

+ Anh Bùi Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị Thùy T mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, thực hiện nghĩa vụ từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

+ Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

+ Chị Võ Thị Thùy T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003315 ngày 29-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

+ Anh Bùi Anh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Thùy T, anh Bùi Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực